

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam
PKF Vietnam Auditing Co.,Ltd****Head office:**

No.45, Lot 6 Trung Yen 14 Street | Trung Yen New Urban Area | Cau Giay District | Hanoi | Vietnam
Tel: (84-4) 3783 3911/12/13 | Fax: (84-4) 3783 3914 | Email: hn@pkf.com.vn | Website: www.pkf.com.vn

Hai Phong branch

245 Bach Dang | Thuong Ly | Hong Bang district | Hai Phong City | Vietnam
Tel: (84-31) 3539 666 | Fax: (84-31) 3539 789 | Email: hp@pkf.com.vn

Da Nang branch

No.10, Hai Phong Street | Hai Chau District | Da Nang City | Vietnam
Tel: (84-511) 3531 399 | Fax: (84-511) 3531 399 | Email: dn@pkf.com.vn

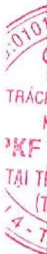
Ho Chi Minh branch

232 Nguyen Tat Thanh | Ward 13 | District 4 | Ho Chi Minh City | Vietnam
Tel: (84-8) 5449 1476/77 | Fax: (84-8) 5449 1475 | Email: hcm@pkf.com.vn

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
• Bảng cân đối kế toán	4 – 5
• Kết quả hoạt động kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 13

3337
CHI NH
CÔNG
Nhiệm
GIẾM T
VIỆ
HỒ C
P. H
P. H

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày bản báo cáo này và các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2011 đến thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Ông Trần Văn Trọng	Chủ tịch
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Ông Trần Văn Trọng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

2. Hoạt động kinh doanh chính

Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt được thành lập theo Giấy phép số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở của Công ty đặt tại lầu 7 số 63 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam (PKF).

Trong suốt thời kỳ kế toán này không có một khoản mục hay sự kiện nào quan trọng có bản chất bất thường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Vốn góp

Theo Giấy phép số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 VNĐ.

Trong đó, cổ đông sáng lập:

	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp
Ông Trần Văn Trọng	33,00%	8.250.000.000
Công ty cổ phần Nam Việt	20,00%	5.000.000.000
Ông Võ Trọng Thủy	20,00%	5.000.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	17,00%	4.250.000.000
Ông Mai Hữu Tín	10,00%	2.500.000.000
	100,00%	25.000.000.000

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Vốn góp (tiếp theo)

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn thực góp của Công ty là 25.000.000.000 VNĐ. Trong đó:

	Tỷ lệ	Giá trị vốn góp
Ông Trần Văn Trọng	33,00%	8.250.000.000
Công ty cổ phần Nam Việt	20,00%	5.000.000.000
Ông Võ Trọng Thủy	20,00%	5.000.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	17,00%	4.250.000.000
Ông Mai Hữu Tín	10,00%	2.500.000.000
	100,00%	25.000.000.000

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

6. Cổ tức

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông.

7. Kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. PKF bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty.

TP. HCM, ngày 10 tháng 01 năm 2012

TRẦN VĂN TRỌNG
Tổng Giám đốc

Số: 159/2011-HĐKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) – Văn phòng Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm toán Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt, từ trang 5 đến trang 13.

Các bản báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này do Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm và lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán căn cứ vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng và căn cứ vào các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước Việt Nam áp dụng cho các đơn vị hoạt động theo Luật chứng khoán tại Việt Nam.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có thể kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong các báo cáo tài chính. Những chuẩn mực kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hay sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc Công ty soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như việc đánh giá trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.

Theo chúng tôi, trong phạm vi sổ sách kế toán do Công ty cung cấp, xét trên phương diện trọng yếu, các bản báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt như đã nêu trên đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được trình bày phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phước

Chứng chỉ KTV số 1536/KTV

Nguyễn Thị Gấm

Chứng chỉ KTV số Đ.0076/KTV

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM TẠI TP.HCM
232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HỒ CHÍ MINH
Tel: (08) 5 449 1477; 5 449 1678 Fax: (08) 5 449 1475
Email: hcm@pkf.com.vn Website: www.pkf.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số: B 01 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		23.497.134.132	26.448.117.956
I. Tiền	110		22.081.356.950	22.991.672.817
1. Tiền mặt tại quỹ	111		3.309.639.332	3.466.084.564
2. Tiền gửi ngân hàng	112		18.771.717.618	19.525.588.253
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		969.317.200	1.450.536.572
1. Chứng khoán kinh doanh	121	III.1	1.668.886.000	1.760.693.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	123	III.1	(699.568.800)	(310.156.428)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		433.259.982	1.992.908.567
1. Phải thu của khách hàng	131		47.600.000	1.550.000.000
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		234.205.560	230.419.679
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu khác	134		151.454.422	212.488.888
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Tài sản lưu động khác	140		13.200.000	13.000.000
1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ	141		-	-
2. Tài sản lưu động khác	142		13.200.000	13.000.000
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		2.590.144.083	968.139.484
I. Tài sản cố định	210		248.785.204	424.399.285
1. Tài sản cố định hữu hình	211	III.3	237.120.754	366.077.035
- Nguyên giá	212		726.441.097	726.441.097
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(489.320.343)	(360.364.062)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	III.3	11.664.450	58.322.250
- Nguyên giá	218		121.752.520	121.752.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(110.088.070)	(63.430.270)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
II. Các khoản đầu tư CK dài hạn và đầu tư dài hạn	230		2.177.225.000	-
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	231	III.1	2.177.225.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	232		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	233		-	-
III. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		164.133.879	543.740.199
1. Chi phí trả trước	261		31.633.879	411.240.199
2. Các khoản ký quỹ, ký cược	262		132.500.000	132.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.087.278.215	27.416.257.440

3/67
 NHÂN
 CÔNG TY
 KẾ TÍNH
 M TOÁN
 TẾT P
 Ồ CHỈ N
 IA NỘI
 HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số: B 01 - DN

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	III.4	79.437.973	431.919.946
I. Nợ ngắn hạn	310		89.437.973	431.919.946
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		187.323.336	138.251.808
3. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	III.6	(133.642.413)	264.264.888
4. Phải trả công nhân viên	314		-	-
5. Chi phí phải trả	315		29.700.000	27.500.000
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	317		6.057.050	1.903.250
II. Nợ dài hạn	340		(10.000.000)	-
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		(10.000.000)	-
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	III.5	26.007.840.242	26.984.337.494
I. Nguồn vốn	410		26.007.840.242	26.984.337.494
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	412		-	-
3. Lợi nhuận tích lũy	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ dự trữ	416		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		1.007.840.242	1.984.337.494
III. Quỹ	420		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		26.087.278.215	27.416.257.440

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
2. Vật tư nhận giữ hộ	-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
4. Ngoại tệ các loại	-	-
5. Chứng khoán theo mệnh giá	-	-

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KIM HOÀNG



TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN TRỌNG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số: B 02 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01		2.747.276.135	2.333.665.388
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		2.747.276.135	2.333.665.388
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1.648.365.680	1.395.286.734
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		1.098.910.455	938.378.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13		2.915.399.918	4.760.069.713
7. Chi phí hoạt động tài chính	14		623.029.770	530.315.963
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		2.046.889.032	1.849.332.362
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16		1.144.391.571	3.318.800.042
10. Thu nhập khác	17		-	-
11. Chi phí khác	18		-	-
12. Lợi nhuận khác	19		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20		1.144.391.571	3.318.800.042
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21		136.551.329	486.068.748
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	22		1.007.840.242	2.832.731.294

Kế toán trưởng



LÊ THỊ KIM HOÀNG



TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN TRỌNG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số: B 03 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Thu tiền từ quản lý quỹ	01	2.743.490.254	2.103.245.709
2. Nhận tiền từ phí tư vấn	02	-	-
3. Thu tiền từ phí phát hành	03	-	-
4. Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04	-	-
5. Thu tiền khác từ hoạt động kinh doanh	05	15.078.997.538	318.000.000
6. Tiền trả cho nhà cung cấp	06	(2.804.996.783)	(2.280.468.626)
7. Trả lãi tiền vay	07	(36.666.667)	(17.391.667)
8. Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(616.832.129)	(221.402.664)
9. Tiền chi trả cho cán bộ công nhân viên	09	(266.594.000)	(198.383.750)
10. Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	-	-
11. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	11	(15.076.563.926)	(367.639.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(979.165.713)	(664.040.098)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	31	-	(93.315.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	-	-
3. Tiền đầu tư chứng khoán	33	(2.822.125.000)	(9.866.351.000)
4. Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	2.074.630.000	12.013.553.000
5. Tiền góp vốn đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	36	-	-
7. Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	-	-
8. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	-	6.009.988.000
9. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư	39	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	(747.495.000)	8.063.874.400
III - LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41	-	-
2. Tiền trả lại vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	42	-	-
3. Tiền đi vay	43	15.000.000.000	4.900.000.000
4. Tiền trả nợ vay	44	(15.000.000.000)	(6.170.000.000)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	45	-	-
6. Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46	(1.974.415.807)	-
7. Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47	2.800.387.384	1.630.568.565
8. Tiền chi khác từ hoạt động tài chính	48	(9.626.731)	(44.367.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	816.344.846	316.200.597

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số: B 03 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60	(910.315.867)	7.716.034.899
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	70	22.991.672.817	15.275.637.918
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	80		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	90	22.081.356.950	22.991.672.817

TP. HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KIM HOÀNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN TRỌNG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số: B 03 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt được thành lập theo Giấy phép số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp.

2. Lĩnh vực hoạt động

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

3. Tổng số nhân viên 10 người

Trong đó:

- Nhân viên quản lý quỹ: 6 người

Tên nhân viên	Số giấy phép	Ngày cấp	Vị trí
Trần Văn Trọng	00218/QLQ	17/04/2009	Tổng Giám Đốc
Võ Trọng Thuỷ	00216/QLQ	17/04/2009	Nhân viên quản lý quỹ
Nguyễn Thanh Tùng	00222/QLQ	17/04/2009	Nhân viên quản lý quỹ
Phi Thị Thu Hiền	00198/QLQ	17/04/2009	Nhân viên quản lý quỹ
Trần Hoài Nam	00572/QLQ	01/02/2010	Nhân viên quản lý quỹ
Mai Thanh Bình	00441/QLQ	08/09/2009	Nhân viên quản lý quỹ

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI ĐƠN VỊ

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Niên độ kế toán

Năm tài chính tiếp theo: bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12

167-002
HÀNH
CÔNG TY
QUẢN LÝ
TOÁN
TÀI CHÍNH
PHI MINH
HỘI
CHI

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

- Các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- Đến ngày lập báo cáo tài chính, các số dư tiền mặt bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Tất cả các khoản lãi/lỗ do chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

5. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

6. Chính sách kế toán áp dụng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Phương pháp kế toán các khoản đầu tư chứng khoán

Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán đầu tư với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản chứng khoán đầu tư với mục đích sẵn sàng để bán.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá thị trường của chứng khoán thấp hơn giá trị sổ sách, chỉ trích lập khi có đầy đủ cơ sở hợp lý để xác định giá thị trường. Việc hạch toán khoản dự phòng được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Phương pháp ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao tài sản cố định tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa vào tỷ lệ khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số: B 03 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

Phương pháp ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ (tiếp theo)

Thời gian sử dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm kế toán	2 năm

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

Chỉ tiêu	Mua		Bán		Giá trị tồn cuối kỳ
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
Chứng khoán kinh doanh	139.150	2.467.200.000	99.590	2.370.507.000	1.668.886.000
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	103.089	2.177.225.000	-	-	2.177.225.000
Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
	242.239	4.644.425.000	99.590	2.370.507.000	3.846.111.000

2. Tình hình trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng

Chứng khoán	SDĐK	Số lập dự phòng kỳ này			Hoàn nhập dự phòng	Số dư cuối kỳ
		Số lượng	Giá trị	Số lập dự phòng kỳ này		
Chứng khoán kinh doanh	310.156.428	139.150	1.668.886.000	389.412.372	-	699.568.800
	310.156.428	139.150	1.668.886.000	389.412.372	-	699.568.800

3. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	41.796.097	508.524.000	176.121.000	726.441.097
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	41.796.097	508.524.000	176.121.000	726.441.097
II. Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	35.991.062	197.759.324	126.613.676	360.364.062
Số tăng trong kỳ	5.805.035	84.753.996	38.397.250	128.956.281
Số dư cuối kỳ	41.796.097	282.513.320	165.010.926	489.320.343
III. Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	5.805.035	310.764.676	49.507.324	366.077.035
Số dư cuối kỳ	-	226.010.680	11.110.074	237.120.754

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số: B 03 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá	121.752.520	-	-	121.752.520
Hao mòn lũy kế	63.430.270	46.657.800	-	110.088.070
Giá trị còn lại	-	-	-	11.664.450

4. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số tiền tranh chấp, mất khả năng thanh toán
	Tổng số	Trong đó nợ quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó quá hạn	
Nợ ngắn hạn	431.919.946	-	21.683.783.234	22.026.265.207	89.437.973	-	-
Vay ngắn hạn	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-
Phải trả người bán	138.251.808	-	6.067.290.680	6.018.219.152	187.323.336	-	-
Thuế và khoản phải nộp NN	264.264.888	-	218.924.828	616.832.129	(133.642.413)	-	-
Phải trả nhân viên	-	-	287.150.000	287.150.000	-	-	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	27.500.000	-	29.700.000	27.500.000	29.700.000	-	-
Phải trả, phải nộp khác	1.903.250	-	80.717.726	76.563.926	6.057.050	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Quỹ DP trợ cấp mất việc làm	-	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
Phải trả người ủy thác đầu tư	-	-	-	-	-	-	-

5. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	26.984.337.494	1.007.840.242	(1.984.337.494)	26.007.840.242
1. Vốn kinh doanh	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
3. Lợi nhuận tích lũy	-	-	-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
6. Nguồn vốn khác	-	-	-	-
7. Quỹ dự trữ	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	1.984.337.494	1.007.840.242	(1.984.337.494)	1.007.840.242
II. Các quỹ	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Cộng	26.984.337.494	1.007.840.242	(1.984.337.494)	26.007.840.242

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số: B 03 - CTQ

Ban hành theo QĐ số 62/2005/QĐ-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính

Tất cả các số liệu đều được thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng các báo cáo tài chính đính kèm

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế	264.264.888	218.924.828	616.832.129	(133.642.413)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.264.888	215.924.828	613.832.129	(133.642.413)
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
II. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-

7. Chi tiết các khoản doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ phí quản lý	2.747.276.135	2.333.665.388
Doanh thu khác	2.915.399.918	4.760.069.713
	5.662.676.053	7.093.735.101

8. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định / Tổng số tài sản (%)	9,93%	3,53%
Tài sản lưu động / Tổng số tài sản (%)	90,07%	96,47%
2. Tỷ suất sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	17,80%	85,35%
Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	3,88%	10,50%
3. Tình hình tài chính		
Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản (%)	0,30%	1,58%
Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn / Tổng nợ ngắn hạn (%)	25772,80%	5658,97%
Tỷ lệ đầu tư TSCĐ trên vốn chủ sở hữu (%)	0,96%	1,57%

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KIM HOÀNG



TP. HCM ngày 31 tháng 12 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN VĂN TRỌNG